

KẾ HOẠCH CÔNG TÁC TÀI CHÍNH **NĂM HỌC 2024-2025**

I. CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH:

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ giáo dục và Đào tạo Ban hành điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non;

Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy về dạy thêm, học thêm;

Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 21/4/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng thực hiện Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về chế độ chi hỗ trợ đối với lao động hợp đồng vị trí nấu ăn trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Công văn số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Liên sở Giáo dục và Đào tạo Tài chính về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Công văn số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/1/2024 của Liên sở Giáo dục và Đào tạo Tài chính về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Căn cứ công văn số 3417/VP-VX ngày 23/5/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, năm học 2024-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của HĐND thành phố Hải Phòng quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm học 2024-2025;

Công văn số 1044/HDLS-GDĐT-STC ngày 19/8/2024 của Liên sở Giáo dục và Đào tạo Tài chính về việc thực hiện thu và sử dụng học phí đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục đào tạo đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm học 2024-2025;

Căn cứ công văn số 2533/SGDĐT-KHTC ngày 22/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, năm học 2024-2025; Công văn số 2773/SGDĐT-KHTC ngày 12/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hải Phòng về việc tăng cường công tác quản lý các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn số 1958/UBND-TCKH ngày 9/8/2024 của Ủy ban nhân dân quận Hải An về việc hướng dẫn thu, chi tài chính trong các nhà trường năm học 2024-2025;

Căn cứ công văn số 210/UBND-GDĐT ngày 24/9/2024 của Ủy ban nhân dân quận Hải An về việc tăng cường công tác quản lý các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, năm học 2024-2025;

Căn cứ biên bản kiểm kê rà soát thực trạng cơ sở vật chất năm học 2024-2025 của nhà trường;

AN
RUC
AM
NAM
17

Căn cứ vào biên bản họp cấp Ủy-Ban giám hiệu ngày 19/09/2024 về công tác thu chi 2024-2025.

Căn cứ vào biên bản họp Chi bộ ngày 19/09/2024 về công tác thu chi 2024-2025.

Căn cứ vào biên bản họp hội đồng trường ngày 19/09/2024 về công tác thu chi năm học 2024-2025.

Căn cứ vào biên bản họp hội đồng sư phạm ngày 19/09/2024 về công tác thu chi năm học 2024-2025.

Căn cứ vào biên bản họp Ban đại diện cha mẹ HS ngày 19/09/2024 về công tác thu chi năm học 2024-2025.

Căn cứ vào biên bản họp phụ huynh các lớp ngày 24,25/09/2024.

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường, địa phương và những kết quả đã đạt được trong năm học 2024-2025 và yêu cầu giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Trường mầm non Nam Hải xây dựng kế hoạch công tác thu chi tài chính năm học 2024-2025 như sau:

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM:

1. Thực hiện đúng luật kế toán thống kê.
2. Đảm bảo chế độ chính sách cho CB-GV-NV và học sinh.
3. Thực hiện xây dựng CSVC, công tác chuyên môn nhằm hoàn thành nhiệm vụ năm học.
4. Thực hiện tốt công tác vận động tài trợ, bổ sung đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất trong trường
5. Quản lý tài sản nhà trường.

III. CÁC CHỈ TIÊU

1. Thực hiện đúng luật kế toán thống kê.

- 100% nguồn thu được cấp Ủy Chi bộ, Ban giám hiệu, hội đồng Nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhất trí, được cơ quan các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- 100% các loại hồ sơ sổ sách được quản lý và lưu trữ một cách khoa học, chính xác.

- 100% các khoản thu chi đảm bảo đúng nguyên tắc tài chính, được cập nhật quyết toán công khai trước Hội đồng Nhà trường, Ban đại diện cha mẹ hs, đảm bảo nguyên tắc dân chủ.

2. Đảm bảo chế độ chính sách cho CBGVNV và học sinh.

-100% CB-GV-NV được hưởng mọi chế độ chính sách của Nhà nước theo quy định hiện hành.

- Xây dựng quy chế chi tiêu các nguồn quỹ trong nhà trường, các nguồn quỹ chi chế độ cho người lao động được chi đúng, chi đủ.

- 100% CB-GV-NV được Nhà trường thực hiện ký và hưởng các điều khoản trong hợp đồng lao động.

- Đảm bảo chế độ lương và các khoản theo lương cho CB-GV-NV hợp đồng trường.

- Thực hiện các chế độ chính sách cho học sinh theo Nghị định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Thực hiện xây dựng CSVC, công tác chuyên môn nhằm hoàn thành nhiệm vụ năm học.

- 100% kế hoạch mua sắm bổ sung cơ sở vật chất của các lớp và phòng ban được thực hiện đầy đủ.

- 100% các lớp được đầu tư kinh phí đảm bảo thực hiện tốt chương trình chăm sóc giáo dục.

4. Thực hiện tốt công tác vận động tài trợ, bổ sung đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất trong trường

- 100% kế hoạch vận động tài trợ được triển khai theo đúng quy định.

- 100% kế hoạch được xây dựng trên tinh thần ủng hộ tự nguyện.

5. Quản lý tài sản nhà trường.

- 100% tài sản trong nhà trường được lập sổ theo dõi và đánh giá hàng năm theo quy định.

- 100% đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị được kiểm kê, đánh giá vào cuối năm học và cuối năm tài chính.

IV/ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thực hiện đúng luật kế toán thống kê.

- Xây dựng triển khai nghiêm túc kế hoạch ngân sách được giao. Giải quyết kịp thời những vướng mắc trong việc chi tiêu ngân sách nhà nước trong quá trình thay đổi cơ chế quản lý tài chính.

- Lập dự toán, kế hoạch thu, kế hoạch chi theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

- Hợp trung tâm mở rộng, họp Ban Đại diện cha mẹ học sinh nhằm xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ một cách minh bạch, công khai.

- Báo cáo phòng Tài chính - kế hoạch, PGD&ĐT kế hoạch thu chi.

- Các nguồn thu - chi được kiểm soát qua kho bạc nhà nước.

- Triển khai kịp thời các chính sách mới của Nhà nước

- Tài liệu kế toán lưu trữ phải được bảo quản theo pháp luật hiện hành của Nhà nước về bảo vệ tài liệu lưu trữ và theo quy định.

- Hàng năm nhà trường thực hiện công khai tài chính như sau:
- + Quy chế chi tiêu nội bộ.
- + Dự toán - quyết toán ngân sách.
- + Quyết toán thu chi các nguồn quỹ - vận động tài trợ năm học cũ.
- + Kiểm kê tài sản năm học.
- + Dự toán thu chi các nguồn quỹ - vận động tài trợ năm học mới.
- + Đánh giá hao mòn tài sản cuối năm.
- + Các nội dung phát sinh khác.

2. Đảm bảo chế độ chính sách đối với người lao động:

2.1 Chế độ chính sách đối với CBGVNV

- Ký hợp đồng lao động với GV, NVHD chi trả lương theo đúng quy định.
- Đảm bảo chế độ chính sách đối với CBGVNV trong nhà trường.
- **Về chế độ tiền lương:** tổng số 44 đồng chí.
- + Biên chế: 33 đồng chí. Trong đó: 03 ban giám hiệu, 29 giáo viên, 01 NV kế toán.
- + Hợp đồng: 11 đồng chí. Trong đó 01 nhân viên hành chính, 07 nhân viên nấu ăn, 03LC - BV.
- + Nhân viên nấu ăn hưởng lương theo mức tối thiểu vùng hàng năm, trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ 1,86 phần còn lại nhà trường bù lương từ nguồn chăm sóc bán trú đảm bảo đủ mức lương tối thiểu vùng.
- + Chi trả lương cho người lao động vào ngày 5-10 hàng tháng.
- + Nguồn kinh phí chi lương: Từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn chăm sóc bán trú.

2.2 Chăm sóc bán trú: 150.000đ/1hs/1tháng- thực hiện thu từ T10/2023.

- Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;
- Công văn số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Liên sở Giáo dục và Đào tạo Tài chính về việc thực hiện thu chi theo nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung điều 03 nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố;
- + Chi đủ bù lương, bảo hiểm, KPCĐ cho NVNA đảm bảo mức tối thiểu vùng.

+ Tiền công cho CBNV trực tiếp chỉ đạo, nấu ăn cho trẻ. Cán bộ quản lý chỉ đạo trực tiếp nấu ăn cho trẻ, nhân viên lên thực đơn, tính khẩu phần ăn cho trẻ, giao nhận TP và nhân viên trực tiếp nấu ăn cho trẻ.

2.3. Thêm giờ - quản lý trẻ ngoài giờ hành chính: 350.000đ/1hs/1tháng- thực hiện thu từ T09/2024 .

- Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Công văn số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Liên sở Giáo dục và Đào tạo Tài chính về việc thực hiện thu chi theo nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung điều 03 nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố;

- Theo Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non. Quy định giờ làm việc 40h/tuần.

+ Thời gian làm việc sáng từ 7h đến 11h30, chiều từ 13h30 đến 17h. Thời gian thêm giờ từ 11h30 đến 13h30 là 2h.

+ Theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định không quá 10.000đ/giờ.

+ Thực hiện chi trả cho BGH và GV tham gia trông trẻ.

2.4. Chi làm thêm ngày thứ 7: với mức thu 200.000đ/1hs/1tháng.

+ Chi cho CBGVNV đi làm ngày thứ 7.

2.5. Chi khoán công tác phí: Hiệu trưởng+Kế toán: 500.000đ/1 người/ 1 tháng - Hiệu phó+văn thư - thủ quỹ: 200.000đ/1 người/ 1 tháng.

- Nhà trường đã triển khai & thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với CBGVNV như:

+ Nộp BHXH, BHYT, BHTN, BH tai nạn, Kinh phí công đoàn hàng tháng theo đúng thang bảng lương.

+ Giải quyết kịp thời chế độ ốm đau thai sản và chi trả các phụ cấp theo Nghị Quyết 02/2022/NQ-HĐND, và các phụ cấp khác nếu có cho cán bộ giáo viên nhân viên toàn trường.

+ Thực hiện nghiêm túc Nghị định 78/2013 của Chính Phủ và Thông tư 08 của Thanh tra Chính Phủ về việc kê khai minh bạch tài sản hàng năm.

2.6. Chi hỗ trợ LC-BV trông giữ xe phụ huynh:

- 20.000đ/1xe đạp/1tháng-30.000đ/1xe máy điện-xe máy/1tháng.

- Thực hiện thu theo tháng, sau khi đóng thuế theo quy định hiện hành dùng để chi trả hỗ trợ cho LC-BV làm nhiệm vụ trông giữ xe.

3. Chế độ chính sách đối với học sinh:

- Thực hiện Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 21/4/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng thực hiện Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố.

+ Thực hiện học phí 9 tháng/năm. Hàng năm nhà trường rà soát tổng hợp số lượng học sinh được cấp học phí 2 lần/năm báo cáo lãnh đạo cấp trên phê duyệt.

- Chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

+ Đầu học kỳ I và học kỳ II hàng năm nhà trường gửi thông báo tới phụ huynh học sinh rà soát quy định hưởng chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập. Tổng hợp những cháu đủ điều kiện hưởng trình Phòng GD&ĐT quận phê duyệt đảm bảo quyền lợi đầy đủ cho học sinh.

+ Công khai minh bạch số trẻ đi học trên bảng công khai tài chính nhà trường.

4. Thực hiện việc XD CSVC, công tác chuyên môn nhằm hoàn thành nhiệm vụ năm học

- Rà soát, kiểm kê lại cơ sở vật chất, thiết bị trong nhà trường, nhập tình trạng CSVC, thiết bị vào sổ tài sản.

- Đầu năm xây dựng kế hoạch phân bổ kinh phí cho chuyên môn, y tế, thiết bị trường học, cơ sở vật chất, và các nguồn chi khác.

- Tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng để phê duyệt cho các bộ phận có liên quan để thực hiện.

- Quản lý, theo dõi kịp thời điều chỉnh nguồn kinh phí sao cho phù hợp để tăng cường CSVC, lên kế hoạch mua sắm báo cáo phòng tài chính, UBND quận.

- Tham mưu với lãnh đạo trường những nội dung cơ bản trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng vật tư, trang thiết bị

5. Quản lý tài sản nhà trường.

- Phân công GV phụ trách, báo cáo BGH khi tài sản không còn sử dụng được và tiến hành thanh lý theo quy định.

- Tiến hành sửa chữa tu bổ tài sản trong nhà trường đặc biệt chú trọng đến các phòng học các lớp.

- Kết hợp với bảo vệ đảm bảo an ninh, an toàn tài sản trong nhà trường.

- Cuối năm kiểm kê đánh giá lại tài sản.

6. Vận động tài trợ, bổ sung đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất trong trường

Do ảnh hưởng của cơn bão số 3 đời sống người dân gặp nhiều khó khăn. Do vậy năm học 2024-2025 nhà trường không thực hiện vận động tài trợ từ các bậc phụ huynh.

V. KẾ HOẠCH CƠ SỞ VẬT CHẤT NĂM HỌC 2024-2025

Đơn vị: nghìn đồng.

STT	Nội dung (Ghi cụ thể)	Số lượng	Dự kiến kinh phí - đơn vị đồng				Lý do đầu tư
			Ngân sách	Học phí	Vận động	Nguồn khác	
I	Nhu cầu mua sắm trang thiết bị		70.000	132.000	0	81.500	
1	Ghế học sinh			18.500			Thay bị gãy hỏng
2	Bàn học sinh			8.500			Thay lớp bị gãy hỏng
3	Giác rường cho học sinh		70.000				Mua mới
4	Đồ dùng VSAN: thảm, chăn, chiếu, gối, khăn mặt, ca, bát, thảm, bàn chải đánh răng, bình nước uống, giá khăn, ca..	13 lớp học		45.000		49.500	Thay mới năm học
5	Đồ dùng đồ chơi: búp bê, ô tô, bộ đồ chơi các con vật, nấu ăn, gia đình, chăm sóc cây, lô tô, tranh truyện thơ....	13 lớp học		60.000			Thay mới năm học
6	Thảm xốp các lớp học	04 lớp					
7	Đồ dùng bếp ăn: bát, thìa đĩa, nôi...	bếp ăn				32.000	Bổ sung một số gãy, vỡ, hỏng
8	Mua nồi đun nước nóng bằng điện					30.000	Thay mới năm học
II	Nhu cầu sửa chữa cơ sở vật chất		1.500.000	128.000			
1	Sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế các thiết bị điện, nước, bếp gas, tủ cơm gas, hệ thống camera, quạt, điều hòa, quạt, điều hòa....phục vụ chăm sóc bán trú	Toàn trường		95.000			Sửa chữa
2	Sửa chữa công trình hư hại sau bão zaky		1.500.000				Hỏng do bão
3	Sửa chữa đồ dùng trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi trong lớp, đồ chơi ngoài trời.	Toàn trường		15.000			Hỏng học
4	Sửa chữa bảo dưỡng, máy tính, máy photo, máy in hàng tháng	Toàn trường		18.000			Hỏng học

	Tổng		1.570.000	260.000		81.500	
	Tổng cộng						

Bằng chữ: Mười một tỉ chín trăm linh một nghìn đồng chẵn).

***Tổng kinh phí : 1.911.000.500đ, trong đó:**

- Nguồn NSNN : 1.830.000.000đ.

- Nguồn TTB CSBT : 81.500.000đ.

- Nguồn vận động tài trợ : 0đ.

VI. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH THU NĂM HỌC 2024-2025.

* Các khoản thu hộ chi hộ, thu theo thỏa thuận, thu tự nguyện hàng tháng - thực hiện 9 tháng.

Stt	Nguồn thu	Theo năm/1 hs (Thu 2 kỳ)	Theo tháng/1 hs	Văn bản
I	Thu theo qui định:			
1	Học phí: - Học sinh 5 tuổi được hưởng chế độ miễn học phí theo Điều 15 mục 1 chương IV Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. - Học sinh khối nhà trẻ, 3Tvà 4T tuổi được hưởng chế độ miễn học phí theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND. - Nguồn kinh phí cấp về nhà trường thực hiện theo TT56/2022/TT-BTC.			Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
II	Thu hộ chi hộ		616.000	
1	Tiền ăn-chất đốt nhiên liệu: 28.000đ/1hs/1ngày - Tiền ăn : 25.000đ/1hs/1ngày. - Chất đốt-nhiên liệu: 3.000đ/1hs/1ngày. (22 ngày x 28.000đ)		616.000	- Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; -Thực hiện theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-
2	Trang thiết bị phục vụ bán trú: - Học sinh năm đầu. - Học sinh năm tiếp theo	360.000 200.000		
II	Thu theo thỏa thuận		470.000	
1	Chăm sóc bán trú:		150.000	

2	Thêm giờ		350.000	HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố. - Công văn số 86/HDLS-GDDT-STC ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Liên sở Giáo dục và Đào tạo Tài chính về việc thực hiện thu chi theo nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung điều 03 nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố; - Theo Biên bản họp Chi ủy-BGH, Chi bộ, HĐSP, BĐDCMHS và Phụ huynh học sinh toàn trường.
III Đăng ký tự nguyện				
1	Thứ 7 (1 tháng)		200.000	Thực hiện theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;
2	Chông coi xe		Xe máy: 30.000 Xe đạp: 20.000	
3	Tiếng anh		160.000	-Theo QĐ số 514/QĐ-SGDĐT ngày 16/3/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố về việc tiếp tục cho phép hoạt động tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ đối với trung tâm ngoại ngữ E-connect Hải Phòng. - Theo hợp đồng liên kết số 2404 ngày 4/9/2024 giữa trường MNNH và trung tâm ngoại ngữ E-connect Hải Phòng.

Tổng thu theo tháng: 1.116.000đ/1hs/1tháng(không bao gồm học TA và thứ 7 chông coi xe).

Tổng thu theo năm: 360.000đ/1hs/1năm (Học sinh năm đầu).

Tổng thu theo năm: 200.000đ/1hs/1năm (Học sinh năm tiếp theo).

VII. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CHI NĂM HỌC 2023 - 2024.

1. Thu theo năm:

Đơn vị : đồng.

Tt	Nguồn thu	Nội dung chi	
II	Thu hộ chi hộ		

1	Trang thiết bị phục vụ bán trú: - Học sinh mới tuyển hoặc trang bị lần đầu. 360.000/lhs - Học sinh cũ 200.000/lhs	- Bổ sung đồ dùng ăn, ngủ học sinh, giá khăn, giá ca cốc, bình nước uống, bình nước muối, chăn, chiếu, thảm, ca cốc, gối, khăn mặt, khăn lau tay, dép, bàn chải đánh răng, đồ dùng nuôi dưỡng, khay chia cơm. - Đồ dùng vệ sinh hàng tháng: giấy vệ sinh, xà phòng giặt, xà phòng thơm, nước tẩy VS, nước lau nhà...	- Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng - Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Liên sở Giáo dục và Đào tạo Tài chính về việc thực hiện thu chi theo nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung điều 03 nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố;
2	Đồ dùng học tập của trẻ:	- Phụ huynh tự trang bị Phụ huynh quyết định lựa chọn tại cuộc họp cha mẹ học sinh đầu năm học. Kinh phí đồ dùng học tập của trẻ dùng để mua sắm đồ dùng đồ chơi, nguyên học liệu theo chủ đề chủ đề đi em...	- Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng

2. Thu theo tháng:

Đơn vị : đồng.			
Tt	Nguồn thu	Nội dung chi	Căn cứ thực hiện
I	Học phí		
1	Học phí: Hỗ trợ theo NQ54/2019, miễn cho học sinh 5T theo nghị định 81/2021.	100% để lại chi lương, công tác phí chi tăng cường CSVC, chi hoạt động chuyên môn nghiệp vụ. Sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế các thiết bị điện, nước, bếp gas, tủ cơm gas, hệ thống camera, quạt, điều hòa, bình nóng lạnh, máy vi tính, máy in, máy photo. Treo lắp bảng biểu, pano. Mua đồ dùng, trang thiết bị phục vụ chăm sóc giáo dục. Mua đồ dùng dạy và học cho cô và trẻ, các chuyên đề, vẽ tranh tường, ngày hội, ngày lễ, các hội thi, VPP, khen thưởng cho CBGVN, chi điện nước, phí vs, mua hoa trồng, phun thuốc diệt muỗi, diệt mối, khám sức khỏe học sinh...	Thực hiện theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ tài chính
II	Thu hộ chi hộ		
1	Tiền ăn-chất đốt nhiên liệu: 28.000đ/lhs/1ngày - 22 ngày x 28.000đ = 616.000 đ/lhs	Tiền ăn: 25.000đ/lhs/1ngày thực hiện 03 bữa. + Bữa phụ sáng: từ 3.500.000đ đến 4.500đ (nước cam, dưa hấu, sữa bột, sữa Yakult, sữa chua). + Bữa chính: từ 10.000đ đến 14.000đ (cơm, canh, thức ăn mặn - bổ sung thêm lượng rau xanh cho trẻ: rau xào, rau luộc). + Bữa phụ chiều: từ 6.000đ đến 8.000đ (Bánh đa, bún, xôi chè, bánh sữa...) * Chất đốt nhiên liệu phục vụ nấu ăn: 3.000đ/lhs/1ngày. - Chi mua gas phục vụ nấu ăn bán trú trong tháng cho hs. - Chi sửa chữa bảo dưỡng bếp gas, tủ cơm gas phục vụ công tác chăm sóc bán trú của cháu. - Hỗ trợ trả điện phục vụ công tác nấu ăn. + Chi nhiên liệu phục vụ bếp ăn bán trú: hỗ trợ các thiết bị điện tử hấp bát, tủ sấy ca cốc, khăn, tủ đun nước uống cho các cháu, tủ làm sữa chua, tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, máy xay thực phẩm cho trẻ.	- Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; - Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Liên sở Giáo dục và Đào tạo Tài chính về việc thực hiện thu chi theo nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung điều 03 nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố
II	Các khoản thu dịch vụ		
1	Hỗ trợ người nấu ăn, chăm ăn, Công tác quản	* Số cháu thực tế : 330hs. - Dự kiến mức thu của 1hs/1tháng	- Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội

	lý. 150.000đ/1hs/Tháng.	là: 330hs x 150.000đ = 49.500.000đ. * Mức chi:- Nộp thuế 2% = 1.005.000đ. - 98% chi cho CBNV: 48.510.000đ - Bù lương NVNA 7đc: 8.254.246đ. + 01đc HPND (như chi bên thêm giờ), 01 đc HT chi bằng ½ lương thêm giờ của giáo viên. - Phần còn lại chi cho hỗ trợ người nấu ăn, chăm ăn, lên TĐ, tính khẩu phần ăn 9 người (tùy thuộc vào số cháu thực tế đi học). Vậy căn cứ vào mức chi trên và số cháu nhà trường hiện có. Nhà trường xây dựng mức thu 1hs/1T: 49.500.000: 330hs = 150.000đ/1hs/1T.	đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; - Công văn số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/1/2024 của Liên sở Giáo dục và Đào tạo Tài chính về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của - Theo Biên bản họp Chi ủy-BGH, Chi bộ, HĐSP, BĐDCMHS và Phụ huynh học sinh toàn trường.
2	Quản lý trẻ ngoài giờ hành chính : 350.000đ/1hs/tháng	- Dự kiến mức thu 1hs/1tháng là: 330 Hs 350.000đ/1hs/1tháng. Tổng thu: 350.000 x 330hs = 115.500.000đ - Mức chi: + Nộp thuế: 2%: 2.310.000đ. + 98%: chi cho 01HT bằng ½ lương thêm giờ của giáo viên, hỗ trợ lao công 1.500.000đ hỗ trợ trông trưa trên lớp, 01 HPCM và chi 29 CBGV.	- Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; - Công văn số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/1/2024 của Liên sở Giáo dục và Đào tạo Tài chính về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của - Theo Biên bản họp Chi ủy-BGH, Chi bộ, HĐSP, BĐDCMHS và Phụ huynh học sinh toàn trường.

3. Thu theo tự nguyện:

Đơn vị : đồng.

Tt	Nguồn thu	Nội dung chi	
1	Học tiếng Anh: 160.000/1hs/1 tháng	- 73% phí chuyển trả công ty giảng dạy. Phần còn lại được coi là 100% trong đó: + Trích nộp thuế doanh nghiệp là 2% + Chi cho Giáo viên: 44% + Chi cơ sở vật chất, đồ dùng đồ chơi học liệu phục vụ hoạt động học tiếng anh: 25% + Chi cho quản lý: 29% (Trong đó Hiệu Trưởng: 9%, 02 HP là 13%, Kế toán + thủy quỹ: 7%)	Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/08/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm ngoại ngữ, tin học; Thông tư số 50/2020/TT-BGD ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình làm quen với Tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo - PH đăng ký tự nguyện theo nhu cầu.

2	Học thứ 7: 200.000đ/1hs/1 tháng	- Nộp thuế: 2%. - 98% chi tiền công, bồi dưỡng cho CBGV, Nhân viên VP, Nhân viên nấu ăn, Lao công trực tiếp làm nhiệm vụ quản lý chăm sóc trẻ ngày thứ 7.	Công văn số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/1/2024 của Liên sở Giáo dục và Đào tạo Tài chính về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố. - Theo Biên bản họp Chi ủy-BGH, Chi bộ, HĐSP, BĐDCMHS và Phụ huynh học sinh toàn trường. PH đăng ký tự nguyện theo nhu cầu.
3	Chông coi xe	- Nộp thuế: 10% - Phần còn lại : Chi lương cho bảo vệ, nhân viên chông coi xe.	- Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Liên sở Giáo dục và Đào tạo Tài chính về việc thực hiện thu chi theo nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung điều 03 nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố.

4. Triển khai kế hoạch XHHGD vận động, tài trợ NH 2024-2025.

Nhà trường không thực hiện vận động xã hội hóa.

VII. KẾ HOẠCH CỤ THỂ HÀNG THÁNG:

Stt	Nội dung công việc	Người chủ trì - người phối hợp
1	Tháng 8/2024	
1.1	- Thống kê CSVC, trang thiết bị trong nhà trường, tổng hợp kế hoạch mua sắm kinh phí sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng phục vụ năm học mới. - Tổng hợp kết quả tuyển sinh chuyển danh sách các lớp.	BGH - KT - giáo viên
	- Xây dựng thực đơn và tính khẩu phần ăn cho trẻ.	BGH - KT - Bếp ăn
1.2	Quyết toán thu chi tháng 8/2024	Hiệu trưởng- kế toán
2	Tháng 9/2024	
2.1	- Xây dựng kế hoạch thu chi tài chính năm học 2024- 2025 - Tổng hợp nhu cầu thực tế nhà trường xây dựng kế hoạch vận động tài trợ năm học 2024-2025 trình các cấp lãnh đạo.	BGH - KT
2.2	- Dự trù và tổng hợp kinh phí cho “Ngày hội đến trường của bé, Tết trung thu”.	BGH - KT - giáo viên
2.3	- Triển khai NĐ81/NĐ-CP về chế độ miễn, giảm, hỗ trợ chi phí	BGH - KT - giáo viên

	học tập cho trẻ. - Tổng hợp cháu chính sách để thực hiện chế độ miễn giảm cho học sinh.	
2.4	- Phối hợp cấp phát nhập sổ sách trang thiết bị, đồ dùng phục vụ cho công tác CSGD trẻ.	BGH - KT - giáo viên
2.5	- Chuẩn bị họp phụ huynh học sinh đầu năm học 2024-2025.	BGH - KT - giáo viên
2.6	- Quyết toán ngân sách cuối quý III - Công khai tài chính Quý 3.	Hiệu trưởng- kế toán
3	Tháng 10/2024	
3.1	- Dự trù và tổng hợp kinh phí Chuyên đề Hội thi Giáo viên giỏi cấp trường năm học 2024-2025.	BGH - KT - giáo viên
3.2	- Dự trù và tổng hợp kinh phí Hội nghị Cán bộ công chức năm học 2024-2025.	Ban giám hiệu - kế toán
3.3	- Sửa đổi bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 căn cứ vào kế hoạch thu chi năm học 2024-2025 đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Ban giám hiệu - kế toán
3.4	- Thay đổi thực đơn mùa đông cho trẻ.	BGH - KT - Bếp ăn
3.5	- Quyết toán thu chi. - Công khai kế hoạch tài chính năm học 2024-2025 và bản sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024.	Hiệu trưởng- kế toán
4	Tháng 11/2024	
4.1	- Dự trù kinh phí mua sắm Hội thi giáo viên giỏi cấp trường, cấp quận - kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11, chuyên đề Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm cấp trường, cấp quận.	BGH - KT - giáo viên
4.2	- Quyết toán thu chi-công khai tài chính tháng 11/2024	Hiệu trưởng- kế toán
5	Tháng 12/2024	
5.1	- Dự trù và chuẩn bị kinh phí mua sắm bổ sung trang thiết bị, đồ dùng phục vụ cho phòng chống rét và dịch bệnh trong mùa đông.	BGH - KT - giáo viên
5.2	- Dự trù và chuẩn bị kinh phí hội thi Hội khỏe phù đồng.	BGH - KT - giáo viên
5.3	- Kiểm kê đánh giá hao mòn tài sản cuối năm 2024.	
5.4	- Quyết toán tài chính năm 2024-dự trù chi ngân sách năm 2025.	Hiệu trưởng- kế toán
6	Tháng 1/2025	
6.1	- Công khai kết quả kiểm kê tài sản, quyết toán tài chính năm 2024 - dự toán thu chi ngân sách năm 2025.	Hiệu trưởng- kế toán

6.2	- Lập dự trự kinh phí bồi dưỡng CM và Sơ kết HKI.	BGH - KT - GV
6.3	- Dự trù kinh phí bổ sung CSVC mùa đông cho trẻ.	BGH - KT - GV
6.4	- Quyết toán thu chi - công khai tài chính tháng 1/2025	Hiệu trưởng- kế toán
7	Tháng 2/2025	
7.1	Tổ chức sơ kết chuyên đề “Xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm” cấp quận với nội dung: “Hải Phòng foodtour”	BGH - KT - GV
7.2	- Quyết toán thu chi tháng 2/2025.	Hiệu trưởng- kế toán
8	Tháng 3/2025	
8.1	- Lập báo cáo tài chính-QT năm 2024 gửi phòng TCKH, kho bạc.	Hiệu trưởng- kế toán
8.2	- Quyết toán thu-chi T3 & công khai tài chính quý I/2025.	Hiệu trưởng- kế toán
9	Tháng 4/2025	
9.1	- Thay đổi thực đơn mùa hè cho trẻ.	BGH - KT - Bếp ăn
9.2	- Quyết toán thu-chi tháng 4/2025.	Hiệu trưởng- kế toán
10	Tháng 5/2025	
10.1	Tổ chức hội thảo sơ kết 03 năm thực hiện Thông tư 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT về triển khai chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo cấp quận	BGH - KT - giáo viên
10.2	- Dự trù kinh phí các hoạt động giáo dục, + Bé khỏe-bé ngoan. Tổng kết năm học. +Tết thiếu nhi 1/6 - Lễ ra trường cho học sinh 5 tuổi.	BGH - KT - giáo viên
10.3	- Tham gia các cuộc họp tổng kết năm học dự trù KH các khoản thu chi năm học 2025-2026 và KH hoạt động trong hè năm 2025.	BGH - KT - giáo viên
10.4	- Kiểm kê tài sản cuối năm học 2024-2025.	BGH - KT - GV
10.5	- Quyết toán thu chi, công khai tài chính tháng 5/2025.	Hiệu trưởng- kế toán
11	Tháng 6/2025	
11.1	Công khai tài chính: Kiểm kê tài sản, quyết toán tài chính, kết quả vận động tài trợ năm học 2024-2025.	Hiệu trưởng- kế toán
11.3	Quyết toán ngân sách quý II/2025	Hiệu trưởng- kế toán
12	Tháng 7/2025	
12.1	- Công khai Quyết toán tài chính 6 tháng đầu năm 2025.	

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Căn cứ vào kế hoạch tài chính năm học 2024-2025 của trường mầm non Nam Hải, CBGVNV thực hiện tốt các chỉ tiêu và nhiệm vụ trong kế hoạch đề ra.

- Nhà trường tổ chức, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần thông tin cụ thể bằng văn bản hoặc phản ánh qua các cuộc họp hội đồng để được giải đáp và kịp thời chỉ đạo giải quyết./.

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Lưu Thị Thu

**HIỆU TRƯỞNG****HIỆU TRƯỞNG**

Ngô Thị Thu Hương